

Nghị quyết số: 219/2025/QH15

NGHỊ QUYẾT

**Về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng
đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku**

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Sau khi xem xét Tờ trình số 424/TTr-CP ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số 403/BC-UBKTTTC15 ngày 18 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội, Báo cáo số 1353/BC-UBTVQH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiếp thu, chỉnh lý và giải trình về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, các tài liệu liên quan và ý kiến của đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1

Quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku (sau đây gọi là Dự án).

Điều 2

1. Mục tiêu:

Xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku hiện đại, đồng bộ nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải, tạo động lực quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên, khu vực duyên hải Trung bộ; kết nối các cửa khẩu quốc tế, các đô thị và cảng biển lớn, Tây Nguyên với khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, các hành lang Đông - Tây và các nước trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế, bảo vệ môi trường, ứng phó

với biến đổi khí hậu, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, góp phần hiện thực hóa mục tiêu, nhiệm vụ theo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và các nghị quyết của Đảng.

2. Phạm vi, quy mô, hình thức đầu tư:

Đầu tư khoảng 125 km, chia thành 03 dự án thành phần; quy mô, hình thức đầu tư của từng dự án thành phần được xác định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

3. Công nghệ:

Dự án áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm yêu cầu an toàn, đồng bộ, chất lượng và hiệu quả. Khuyến khích ứng dụng công nghệ cao trong tổ chức thi công, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện hình thức thu phí điện tử không dừng trong khai thác, vận hành.

4. Sơ bộ tổng nhu cầu sử dụng đất:

Sơ bộ nhu cầu sử dụng đất của Dự án khoảng 942,15 ha, gồm: đất trồng lúa khoảng 189,92 ha; đất lâm nghiệp khoảng 257,35 ha; các loại đất khác theo quy định của pháp luật về đất đai khoảng 494,88 ha.

Dự kiến diện tích rừng cần chuyển sang mục đích khác để thực hiện Dự án khoảng 257,35 ha, trong đó, rừng phòng hộ đầu nguồn khoảng 94 ha.

5. Sơ bộ tổng mức đầu tư và nguồn vốn:

a) Sơ bộ tổng mức đầu tư của Dự án khoảng 43.734 tỷ đồng (*Bốn mươi ba nghìn, bảy trăm ba mươi bốn tỷ đồng*);

b) Nguồn vốn ngân sách nhà nước bố trí từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước năm 2024, nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030.

6. Tiến độ thực hiện:

Chuẩn bị đầu tư, thực hiện Dự án từ năm 2025, hoàn thành công trình đưa vào vận hành, khai thác trong năm 2029.

Điều 3

Dự án được áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt sau đây:

1. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định và quyết định đầu tư các dự án thành phần được thực hiện tương tự như đối với dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Trong thời gian Quốc hội không họp, Quốc hội giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án.

3. Cho phép áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với các gói thầu thuộc Dự án, bao gồm các gói thầu thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trình tự, thủ tục chỉ định thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Dự án không phải thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo quy định của Luật Đầu tư công.

5. Cho phép chủ đầu tư dự án thành phần và chủ đầu tư tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được triển khai thực hiện đồng thời việc lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

6. Về công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Tập đoàn Điện lực Việt Nam chủ trì tổ chức thực hiện tiểu dự án hoặc các tiểu dự án đối với công tác di dời công trình điện có điện áp từ 110 kV trở lên;

b) Cho phép địa phương được ứng trước vốn ngân sách địa phương để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho Dự án.

7. Về khai thác khoáng sản nhóm IV và khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc khoáng sản nhóm III theo quy định của Luật Địa chất và khoáng sản (sau đây gọi là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường) phục vụ Dự án:

a) Đối với các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đã được cấp phép, đang hoạt động, còn thời hạn khai thác hoặc đã hết thời hạn khai thác, còn trữ lượng nhưng chưa thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định:

- Điều chỉnh trữ lượng khai thác, kéo dài thời hạn khai thác mỏ, nâng công suất theo nhu cầu của Dự án mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch tỉnh; không phải lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản điều chỉnh để thực hiện trình tự, thủ tục quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; không phải thực hiện thủ tục thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường và đăng ký môi trường nhưng phải bảo đảm yêu cầu về an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong khai thác;

- Dừng việc nâng công suất khai thác sau khi đã cung cấp đủ cho Dự án;

b) Đối với các mỏ khoáng sản nằm trong Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ Dự án và tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng chưa cấp Giấy phép khai thác:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung các mỏ khoáng sản này vào phương án quản lý về địa chất, khoáng sản trong quy hoạch tỉnh mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch tỉnh; sử dụng nguồn dự phòng của Dự án để tổ chức thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu vực mỏ sau khi đã được khảo sát, đánh giá về trữ lượng, chất lượng theo yêu cầu của Dự án và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản để cấp mỏ cho nhà thầu thi công của Dự án và tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khai thác khoáng sản phục vụ Dự án và tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; quản lý, giám sát quá trình thực hiện và quản lý sau khi hoàn thành Dự án;

- Nhà thầu thi công của Dự án và tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, khai thác khoáng sản phục vụ Dự án và tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà không phải đấu giá quyền khai thác khoáng sản; đối với các mỏ vật liệu xây dựng thông thường đã được đưa vào kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản được điều chỉnh, đưa ra khỏi kế hoạch đấu giá để cấp giấy phép khai thác; việc cấp phép khai thác được thực hiện tương tự như việc cấp phép khai thác khoáng sản nhóm IV quy định tại điểm a khoản 2 Điều 72 và các điểm c, d khoản 2 Điều 73 của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Nhà thầu thi công của Dự án và tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khai thác khoáng sản phục vụ Dự án chịu trách nhiệm nộp thuế, phí và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

- Việc khai thác, sử dụng khoáng sản được thực hiện đến khi hoàn thành Dự án, tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phải chịu sự quản lý, giám sát theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp đã khai thác hết trữ lượng tại các mỏ khoáng sản nằm trong Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ Dự án và tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu cung cấp vật liệu xây dựng cho Dự án và tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, chủ đầu tư chủ trì tổ chức khảo sát, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ sung các mỏ khoáng sản mới vào Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ Dự án và tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; việc quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản tại các mỏ khoáng sản mới bổ sung thực hiện như quy định tại điểm b Khoản này;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế để xem xét, hướng dẫn nhà thầu thi công của Dự án và tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khai thác khoáng sản phục vụ Dự án và tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tự lập đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông đối với mỏ cát, sỏi lòng sông nằm ở đoạn sông, suối có nguy cơ sạt lở cao bảo đảm tuân thủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng khoáng sản theo quy định của pháp luật.

8. Về bãi đổ chất thải rắn xây dựng và tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu vực bãi đổ chất thải rắn xây dựng trong Hồ sơ khảo sát Dự án và bàn giao mặt bằng cho nhà thầu để đổ chất thải rắn xây dựng của Dự án;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức quản lý bãi đổ chất thải rắn xây dựng của Dự án theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước thu hồi từ Dự án. Việc xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước thu hồi từ Dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về trồng trọt.

9. Sau khi Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, Dự án được bổ sung danh mục trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm để triển khai các hoạt động thực hiện trước, bao gồm:

- a) Các nhiệm vụ chi của chủ đầu tư, Ban quản lý dự án;
- b) Chi trả các dịch vụ tư vấn cho Dự án;
- c) Thực hiện các công việc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 4

1. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội trong việc:

a) Triển khai tổ chức thực hiện, quản lý và khai thác, vận hành Dự án theo đúng Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan; đôn đốc, kiểm tra địa phương bảo đảm nguồn vốn thực hiện và tiến độ, chất lượng của Dự án; chỉ đạo Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các Bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng phương án thu hồi vốn đầu tư Dự án hoàn trả vào ngân sách trung ương và ngân sách địa phương trên cơ sở tỷ lệ vốn góp đầu tư Dự án. Bảo đảm tính chính xác của số liệu liên quan tới Dự án;

b) Lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện Nghị quyết này, bảo đảm đúng mục tiêu, công khai, minh bạch và hiệu quả, không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí; hằng năm báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về tình hình thực hiện Dự án; thông tin đầy đủ để người dân hiểu, đồng thuận về chủ trương đầu tư và hỗ trợ triển khai thực hiện Dự án.

2. Địa phương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc bảo đảm tiến độ, chất lượng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án và các tiểu dự án được giao tổ chức thực hiện.

3. Địa phương chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc bảo đảm nguồn vốn góp cho Dự án, xác định số liệu chính xác để thực hiện công tác chuyển đổi mục đích sử dụng rừng.

Điều 5

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân đồng thuận chủ trương đầu tư Dự án và giám sát việc thực hiện Dự án theo Nghị quyết này.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc

hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Dự án theo Nghị quyết này.

3. Kiểm toán nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm toán việc thực hiện Dự án theo Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2025.



CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

PHỤ LỤC**Danh mục các dự án thành phần
thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku***(Kèm theo Nghị quyết số 219/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội)*

TT	Dự án thành phần	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô		Sơ bộ tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Hình thức đầu tư
			Số làn xe	Cấp đường (km/h)		
1	Dự án thành phần 1: đoạn tuyến từ Km0+000 - Km22+000	22	04	100	6.989	Đầu tư công
2	Dự án thành phần 2: đoạn tuyến từ Km22+000 - Km90+000	68	04	100	27.576	Đầu tư công
3	Dự án thành phần 3: đoạn tuyến từ Km90+000 - Km125+000	35	04	100	9.169	Đầu tư công
Tổng cộng		125			43.734	